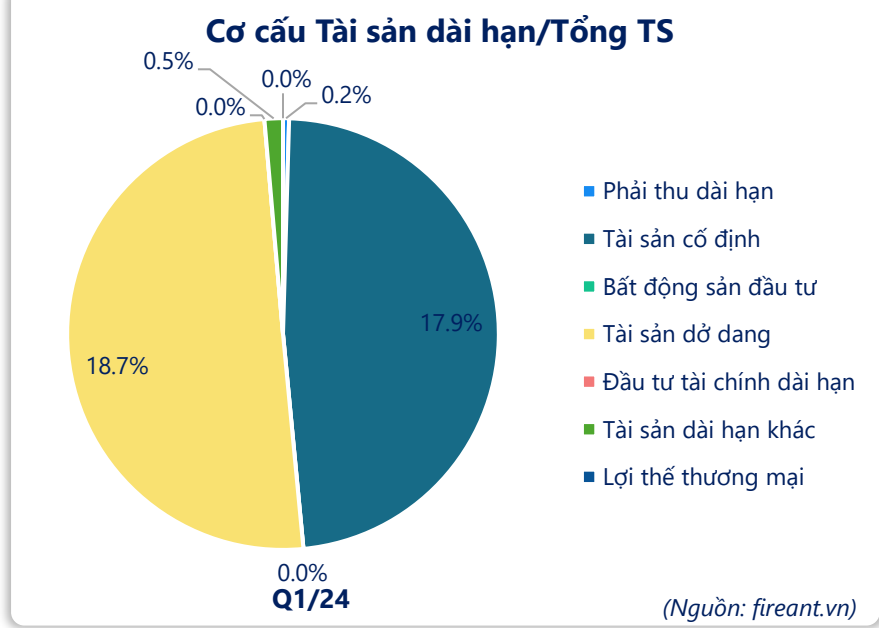
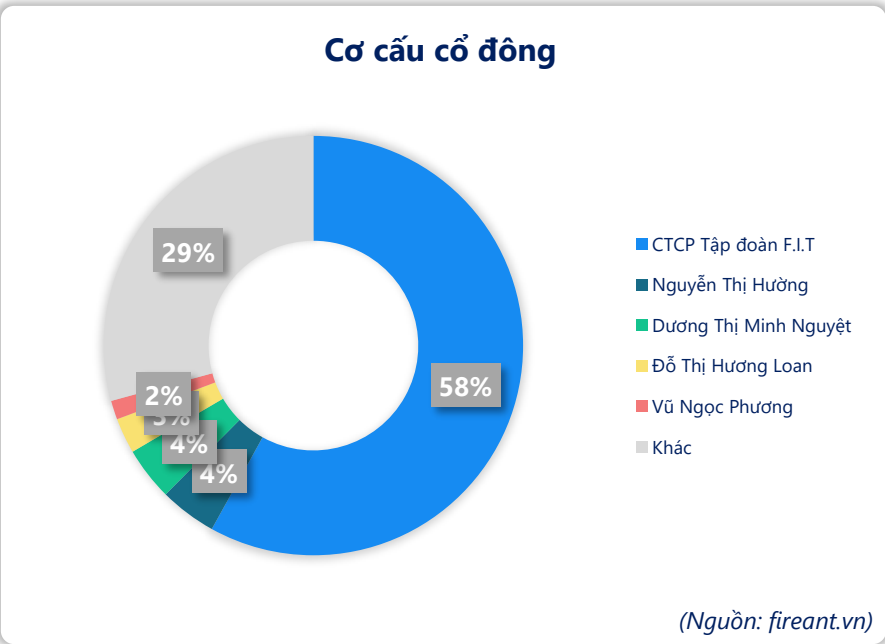
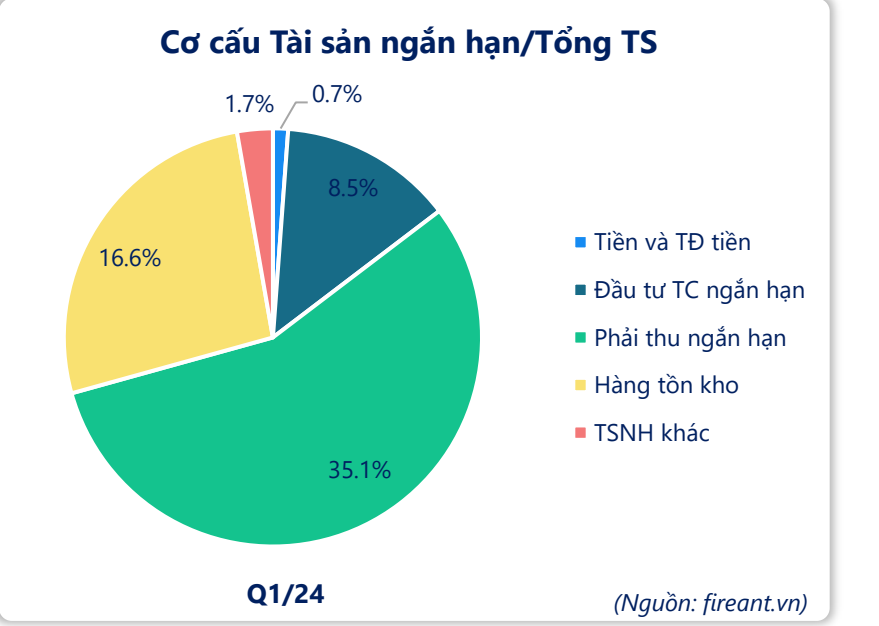
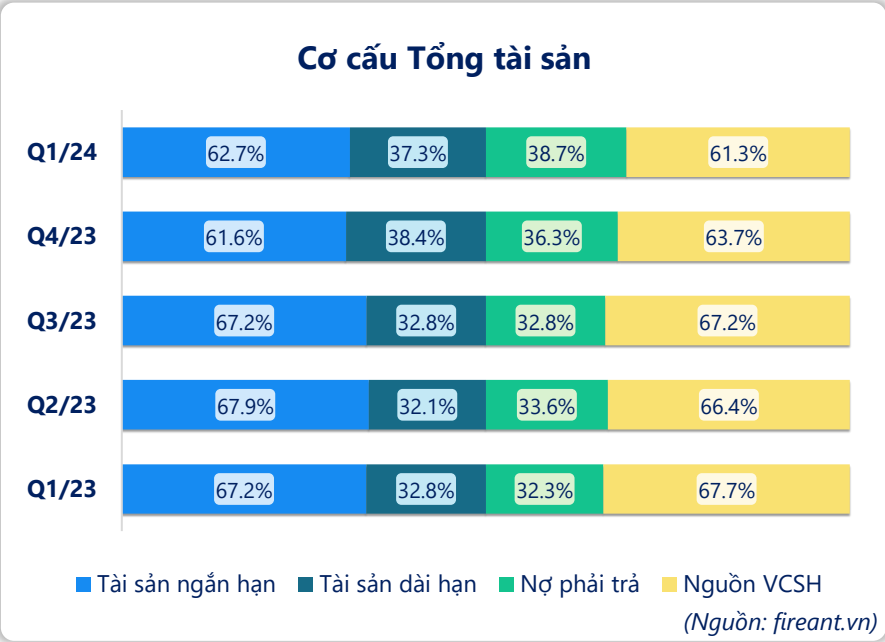
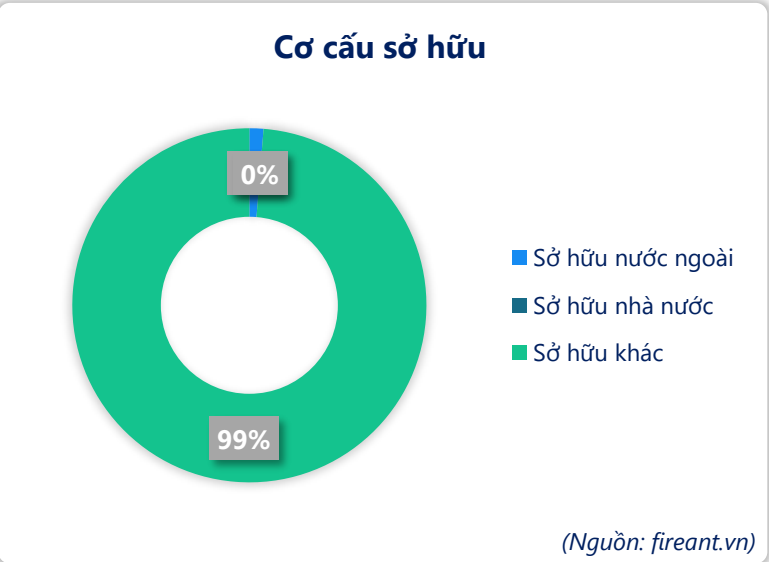
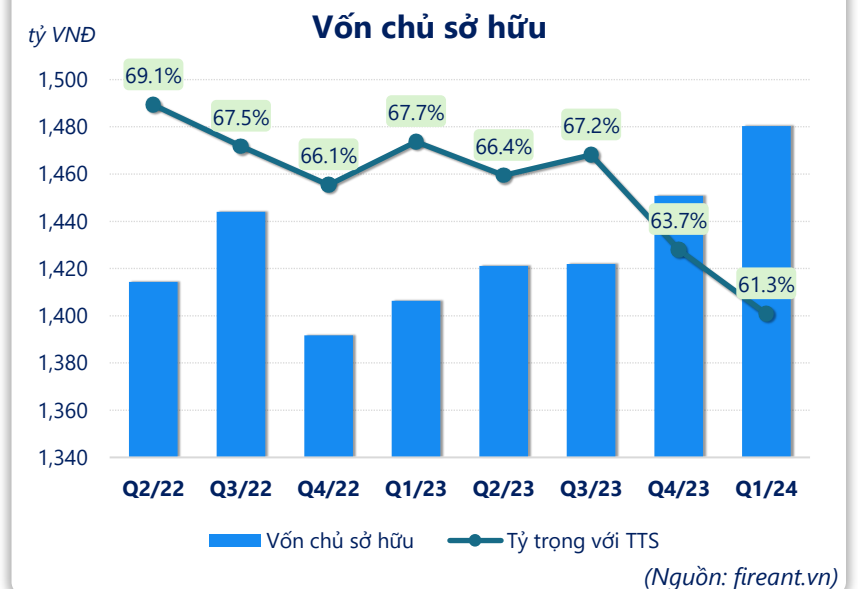
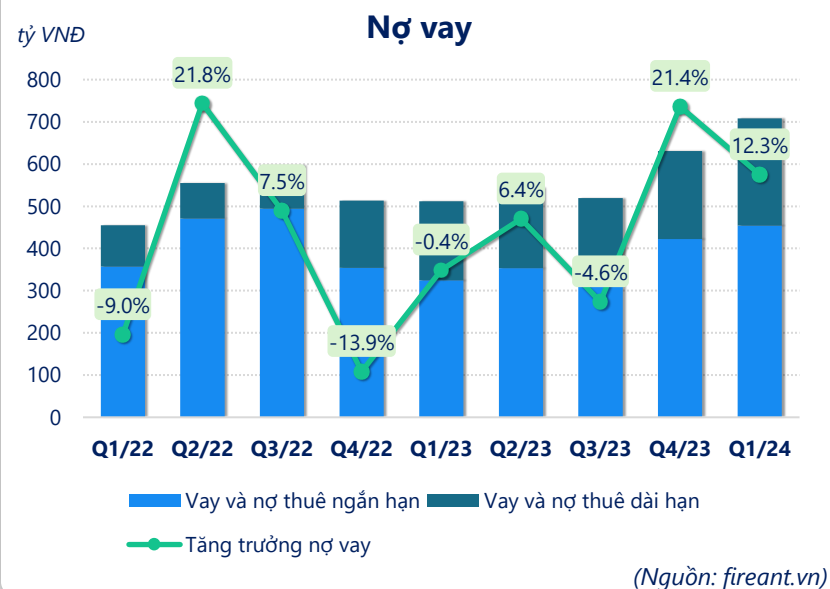
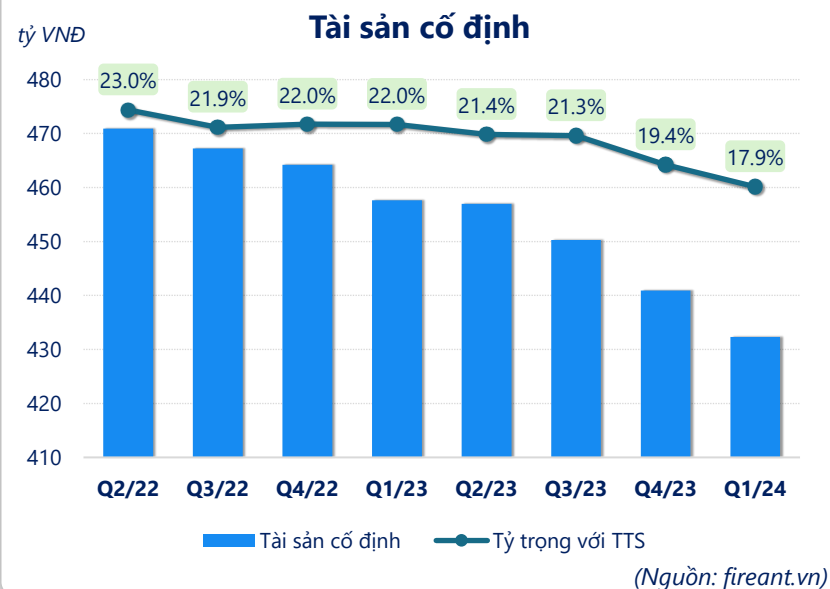
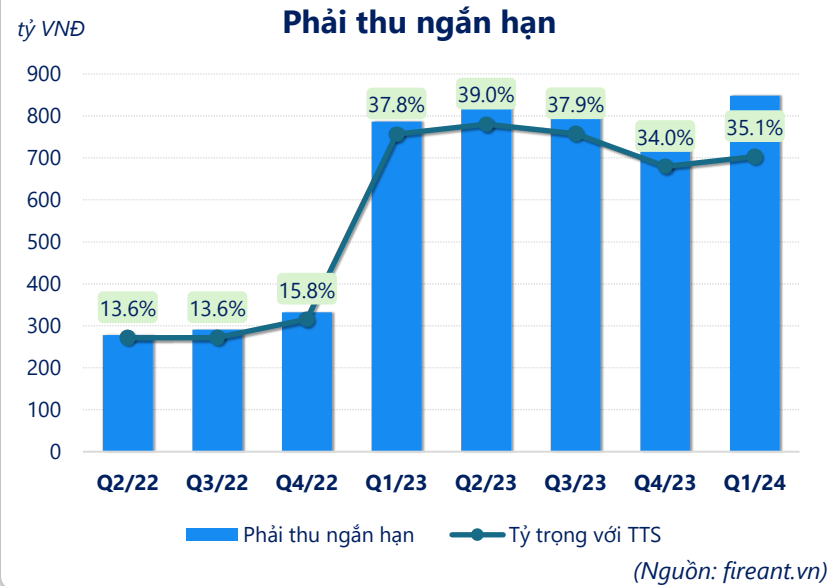
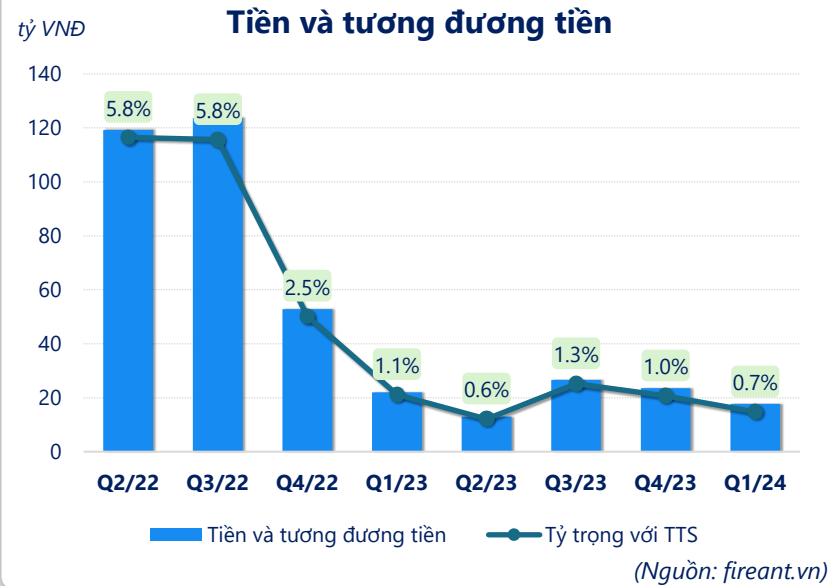
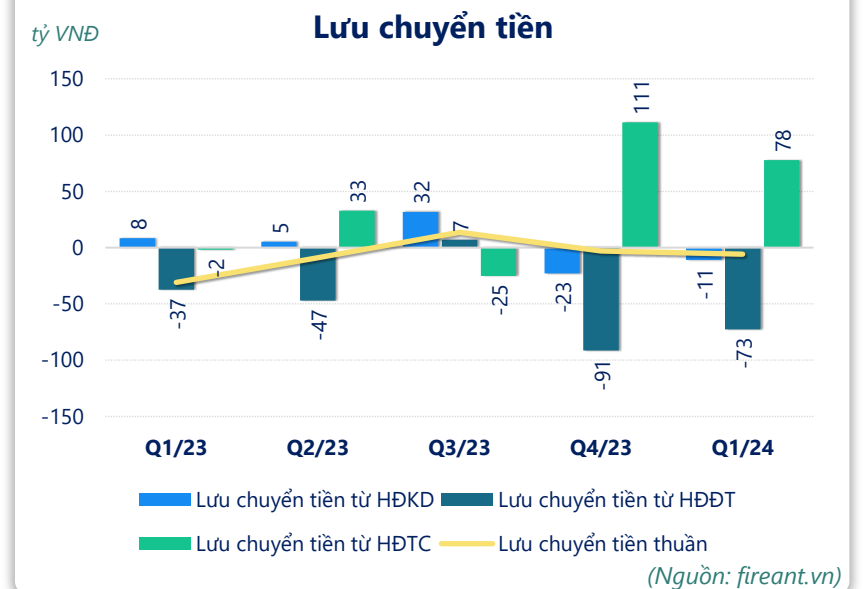
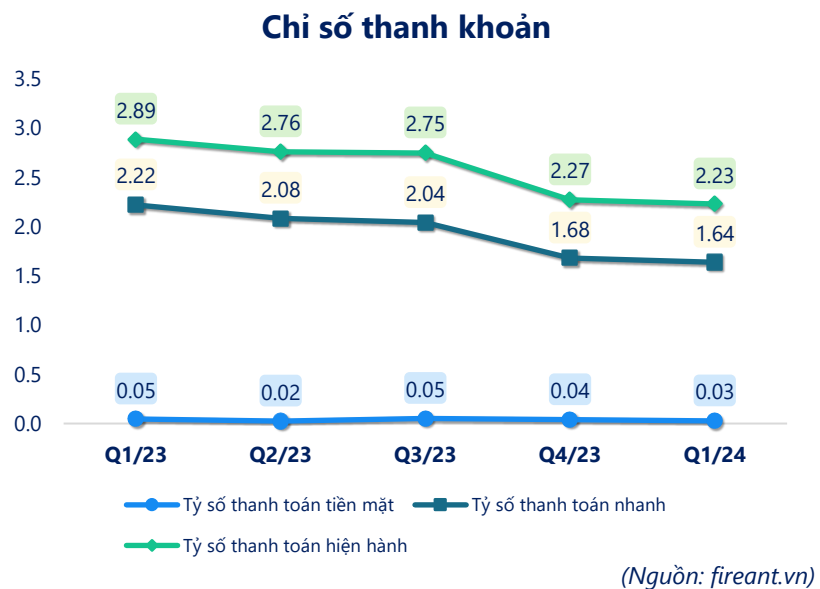
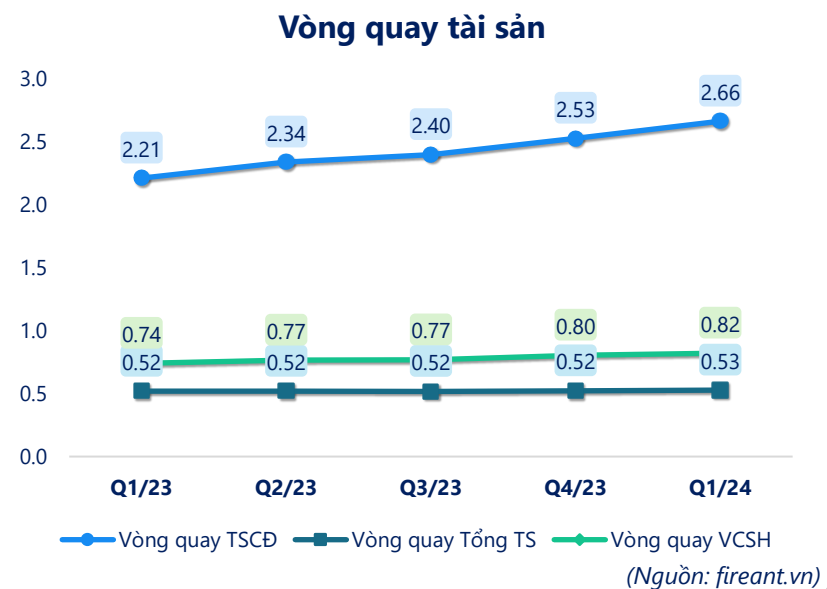
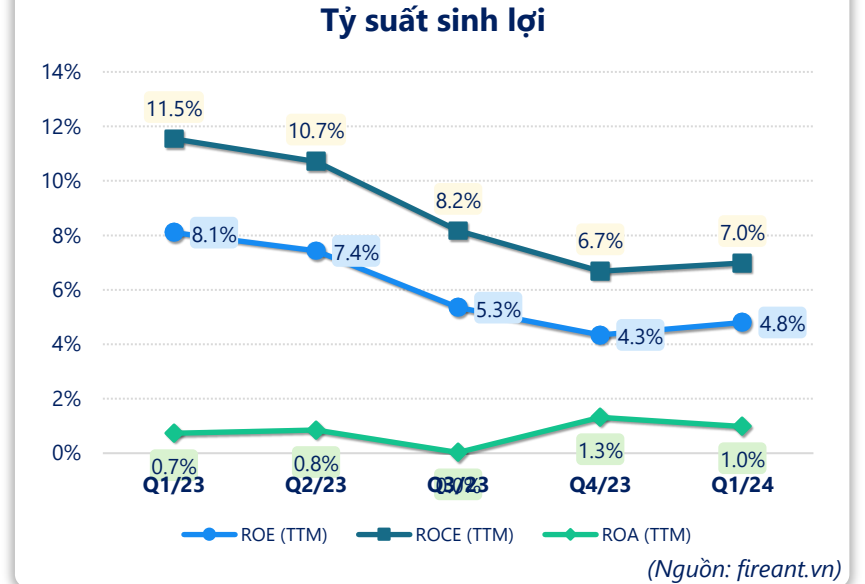
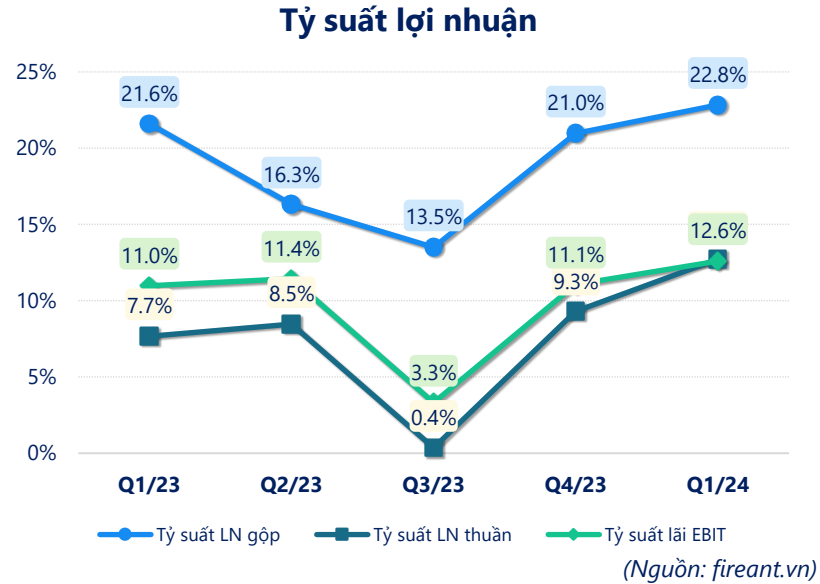
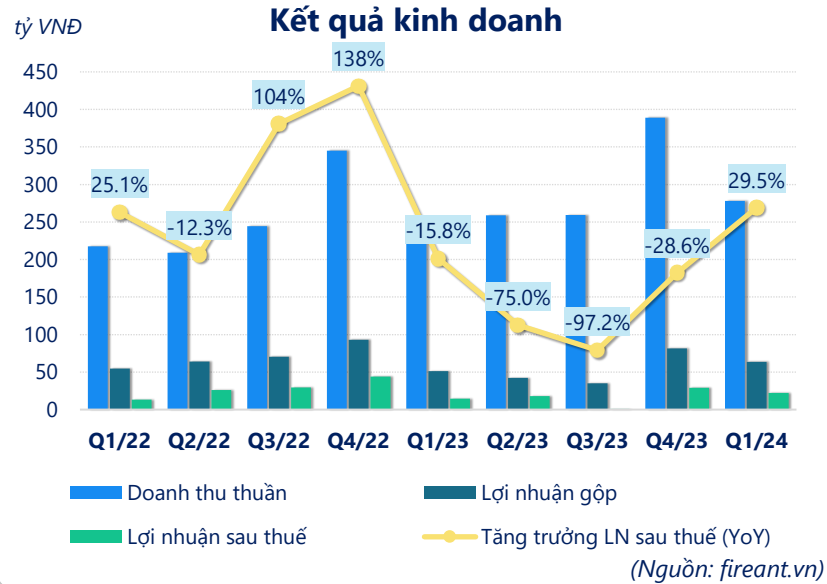


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		24,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,000
SL cổ phiếu LH		73,041,030
KLGD BQ 20 phiên (CP)		60,330
% sở hữu nước ngoài		1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,760
P/E		25.4
EPS		948

	YTD	1T	3T	6T
DCL	-2.0%	-1.8%	-2.8%	6.4%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,414	2,277	6.0%
Tài sản ngắn hạn	1,514	1,403	7.9%
Tiền và tương đương tiền	17.7	23.5	-24.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	204	204	0.0%
Phải thu ngắn hạn	848	773	9.7%
Hàng tồn kho	402	365	10.1%
Tài sản ngắn hạn khác	41.8	37.0	13.0%
Tài sản dài hạn	900	874	3.0%
Phải thu dài hạn	4.10	3.50	17.1%
Tài sản cố định	432	441	-1.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	451	417	8.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	12.4	13.2	-5.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	934	827	12.9%
Nợ ngắn hạn	679	618	9.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	454	422	7.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	124	66.1	87.5%
Nợ dài hạn	254	209	22.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	254	209	22.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,480	1,451	2.0%
Vốn chủ sở hữu	1,480	1,451	2.0%
Vốn điều lệ	730	730	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	237	259	259	389	278
Giá vốn hàng bán	186	217	224	307	214
Lợi nhuận gộp	51.1	42.2	35.0	81.6	63.5
Doanh thu HĐTC	10.5	10.2	9.77	9.49	9.23
Chi phí TC	8.08	8.79	8.84	7.87	7.06
Chi phí lãi vay	7.52	7.26	7.63	6.76	6.95
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	23.3	9.61	23.0	31.9	19.8
Chi phí QLDN	12.1	12.1	12.0	15.1	10.4
LN thuần từ HĐKD	18.2	21.9	0.92	36.2	35.4
Lợi nhuận khác	0.33	0.45	0.04	0.12	-7.32
LN trước thuế	18.5	22.4	0.97	36.3	28.1
Lợi nhuận sau thuế	14.7	17.8	0.70	28.9	22.3
LNST của CĐ cty mẹ	14.6	17.7	0.58	28.9	22.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.33	5.29	31.8	-22.9	-11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-37.3	-47.2	6.95	-91.5	-72.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.93	32.9	-25.1	111	77.7
Tiền đầu kỳ	52.9	22.0	13.0	26.6	23.5
Lưu chuyển tiền thuần	-30.9	-9.00	13.6	-3.08	-5.79
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.02
Tiền cuối kỳ	22.0	13.0	26.6	23.5	17.7

(Nguồn: fireant.vn)